TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày: 30-8-2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dệt

Ông Phạm Thanh Diễn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Trần Anh T, sinh năm 1975 – Chủ cơ sở nhôm kính T.

Địa chỉ: số 785, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 65B7, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018).

**Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 – Chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L.

Địa chỉ: Số 203, ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà M có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Bé M trình bày:

Vào tháng 4 năm 2017, ông Trần Anh T là chủ cơ sở nhôm kính T có bán tol, sắt và một số phụ kiện khác cho Doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L do ông Nguyễn Văn H là chủ doanh nghiệp với tổng số tiền 63.322.000 đồng. Việc mua bán không có lập hợp đồng mua bán nhưng có thể hiện trên tờ "đặt hàng" có xác nhận của ông Nguyễn Văn H. Ngày 28/5/2017, ông H đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ lại 43.322.000 đồng. Ông H cam kết đến ngày 30/7/2017 doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L sẽ trả hết số tiền còn lại cho ông Trần Anh T, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền còn nợ là 43.322.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/7/2017 đến ngày khởi kiện là ngày 27/4/2018 theo mức lãi suất 11%/năm. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án số 138/2018/TB-TLVA ngày 23/5/2018, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Văn H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L nhưng ông H vắng mặt nhiều lần nên Tòa án lập biên bản không thể tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được. Tuy nhiên vào ngày 11/6/2018, Tòa án có nhận được "đơn xin phản hồi" của ông Nguyễn Văn H ghi ngày 06/6/2018 gởi qua đường bưu điện thể hiện nội dung: ông H thừa nhận có công nợ tiền vật tư tol và xà gồ của ông T với số tiền 43.322.000 đồng. Doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L không có lẫn tránh, trước đây ông đã chủ động ứng trước cho ông T 20.000.000 đồng rồi, số tiền còn lại là 43.322.000 đồng kế toán của ông H đã liên hệ với ông T để thanh toán nhưng ông T không đồng ý mà lại khởi kiện ra Tòa.

Quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

-Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của ông Trần Anh T là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

-Về quan hệ pháp luật: Ông T – chủ cơ sở nhôm kính T và ông H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa đều nhằm mục đích lợi nhuận, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh nên tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp về kinh doanh, thương mại", cụ thể là: "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Theo tờ đặt hàng ông H thừa nhận còn nợ tiền hàng của ông T với số tiền 43.322.000 đồng; đã quá thời hạn cam kết trả nợ (ngày phải trả nợ là ngày 30 tháng 7 năm 2017) nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 4, Điều 24, khoản 1, 2 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý vụ án sơ thẩm số 138/2018/TLST-DS theo đơn khởi kiện của ông Trần Anh T đối với người bị kiện là ông Nguyễn Văn H và xác định tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp về dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ xác định ông T – chủ cơ sở nhôm kính T và ông H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L đều có đăng ký kinh doanh và việc mua bán của hai bên vì mục đích lợi nhuận nên cần xác định lại đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là: "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Anh T - chủ cơ sở nhôm kính T khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Nguyễn Văn H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L. Hiện tại doanh nghiệp của ông H có trụ sở và ông H cũng đang cư trú tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho ông H để tham dự phiên tòa nhưng ông H vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Trần Anh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L trả số tiền mua tol, vích tol, sắt hộp còn nợ là 43.322.000 đồng. Chứng cứ do ông T cung cấp là tờ đặt hàng có chữ ký xác nhận và đóng dấu của ông Nguyễn Văn H thừa nhận còn nợ ông T số tiền 43.322.000 đồng và hẹn sẽ thanh toán số tiền này vào ngày 30/7/2017. Tại đơn xin phản hồi ngày 06/6/2018, ông H thừa nhận còn nợ ông T số tiền 43.322.000 đồng. Theo quy định tại điều 50 Luật Thương mại quy định " Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận". Đã quá thời hạn nhưng ông H vẫn chưa trả nợ. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ là 43.322.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy, doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L chậm thanh toán từ ngày 31/7/2017 đến ngày 27/4/2018 là 8 tháng 27 ngày tương đương với thời gian vay ngắn hạn tại các ngân hàng. Lãi suất quá hạn trung bình đối với vay ngắn hạn tại thời điểm xét xử là 11%/năm (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Giồng Trôm: 9%/năm; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bến Tre: 14,25%/năm; Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Bến Tre PGD Giồng

Trôm: 9,75%/năm). Việc ông T yêu cầu tính lãi đối với số tiền 43.322.000 đồng từ ngày 31/7/2017 cho đến ngày 27/4/2018 với lãi suất 11%/năm (tương đương 0.91%/tháng) là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên được chấp nhận. Lãi suất chậm trả từ ngày 31/7/2017 đến ngày 27/4/2018 là 8 tháng 27 ngày được tính như sau: 43.322.000 đồng x (267 ngày) x 0,91%/tháng = 3.508.648 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn H phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 24, 50, 306 Luật thương mại; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh T – chủ cơ sở nhôm kính T đối với ông Nguyễn Văn H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L, cụ thể:

[1] Buộc ông Nguyễn Văn H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L có trách nhiệm trả cho ông Trần Anh T - chủ cơ sở nhôm kính T số tiền 46.830.648 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng), trong đó số tiền gốc là 43.322.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng), số tiền lãi là 3.508.648 đồng (Ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành phải trả thêm lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Văn H - chủ doanh nghiệp tư nhân thi công xây dựng L phải nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- Chi cục thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Trần Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.180.520 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016860 ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan